

TIẾT 73

Bài 24. SO SÁNH PHÂN SỐ. HỖN SỐ DƯƠNG (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. Vận dụng được quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giáo tiếp và hợp tác: Học sinh chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh nhận biết được vấn đề của tình huống, chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác, biết lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. So sánh được hai phân số cùng mẫu.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng các kiến thức vừa học để giải quyết bài toán thực tế có liên quan.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (3 phút)

a) Mục tiêu: Tái hiện lại các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.

b) Nội dung: Muốn tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1 ta làm như thế nào?

c) Sản phẩm:

- Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;
- Chọn ra các thừa số nguyên tố chung và riêng;
- Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất. Tích đó là BCNN cần tìm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV yêu cầu HS nhắc lại các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.	HS trả lời tại chỗ.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

1. Quy đồng mẫu nhiều phân số

a) **Mục tiêu:** Mở rộng việc quy đồng mẫu của các phân số có tử và mẫu dương sang quy đồng mẫu của phân số có tử và mẫu là các số nguyên. Luyện tập về quy đồng mẫu các phân số.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện các HĐ1 và HĐ2.

+ HĐ1: Em thực hiện các yêu cầu sau để quy đồng mẫu hai phân số $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{4}$:

Tìm bội chung nhỏ nhất của hai mẫu số.

Viết hai phân số mới bằng hai phân số đã cho và có mẫu là số vừa tìm được.

+ HĐ2: Tương tự HĐ1, em hãy quy đồng mẫu hai phân số $\frac{-3}{5}$ và $\frac{-1}{2}$.

+ GV rút ra các bước để quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số có mẫu dương.

– HS đọc hộp kiến thức ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 1, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 1. Quy đồng mẫu các phân số: $\frac{-3}{4}$; $\frac{5}{9}$; $\frac{2}{3}$.

c) **Sản phẩm:**

– HĐ1: Ta có: $4 = 2^2$; $6 = 2.3$; nên $BCNN(4, 6) = 2^2.3 = 12$.

$$\frac{7}{4} = \frac{7.3}{4.3} = \frac{21}{12}; \quad \frac{5}{6} = \frac{5.2}{6.2} = \frac{10}{12}.$$

– HĐ2: Ta có: $BCNN(2, 5) = 2.5 = 10$.

$$\frac{-3}{5} = \frac{(-3).2}{5.2} = \frac{-6}{10}; \quad \frac{-1}{2} = \frac{(-1).5}{2.5} = \frac{-5}{10}.$$

– Các bước để quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số có mẫu dương:

+ Tìm một bội chung (thường là BCNN) của các mẫu để làm mẫu chung.

+ Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu bằng cách chia mẫu chung cho từng mẫu.

+ Nhân tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.

– Ví dụ 1:

MC: $BCNN(6, 8) = 24$;

TSP: $24 : 6 = 4$; $24 : 8 = 3$;

Quy đồng: $\frac{5}{6} = \frac{5.4}{6.4} = \frac{20}{24}$; $\frac{3}{-8} = \frac{-3}{8} = \frac{(-3).3}{8.3} = \frac{-9}{24}$.

– Luyện tập 1:

MC: BCNN(3, 4, 9) = 36;

TSP: $36 : 4 = 9$; $36 : 9 = 4$; $36 : 3 = 12$.

Quy đồng: $\frac{-3}{4} = \frac{(-3).9}{4.9} = \frac{-27}{36}$; $\frac{5}{9} = \frac{5.4}{9.4} = \frac{20}{36}$; $\frac{2}{3} = \frac{2.12}{3.12} = \frac{24}{36}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu hình nội dung HĐ1, HĐ2 và chia nhóm lớp, yêu cầu HS thảo luận hoàn thành. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất. – GV chiếu nội dung hộp kiến thức. – GV thực hiện Ví dụ 1 trên bảng và hướng dẫn HS cách trình bày. <i>Lưu ý: Với các phân số có mẫu âm, ta viết lại thành các phân số mới bằng nó nhưng có mẫu dương.</i> – GV yêu cầu HS thực hiện Luyện tập 1 vào phiếu học tập. GV thu 5 phiếu học tập của 5 HS hoàn thành nhanh nhất để nhận xét cho điểm. Còn lại HS trao đổi bài, kiểm tra chéo nhau.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS nhận xét. HS đọc, ghi nhớ. HS quan sát, ghi chép. HS hoạt động cá nhân. HS nhận xét, đánh giá.

2. So sánh hai phân số cùng mẫu

a) Mục tiêu: Mở rộng việc so sánh phân số có cùng mẫu với tử và mẫu dương sang so sánh phân số có cùng mẫu với tử và mẫu là các số nguyên.

b) Nội dung:

– Thực hiện các HĐ3: Em hãy nhắc lại quy tắc so sánh hai phân số có cùng mẫu (tử và mẫu đều dương), rồi so sánh hai phân số $\frac{7}{11}$ và $\frac{9}{11}$.

+ GV rút ra quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu.

– HS đọc hộp kiến thức, ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 2, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 2: Điền dấu thích hợp (>, <) thay cho dấu “?”.

a) $\frac{-2}{9} \square \frac{-7}{9}$;

b) $\frac{5}{7} \square \frac{-10}{7}$.

c) Sản phẩm:

– HĐ3: Phân số nào có tử bé hơn thì bé hơn, phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn, nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau. $\frac{7}{11} < \frac{11}{9}$.

– Quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu: Trong hai phân số có cùng một mẫu dương, phân số nào có tử lớn hơn thì phân số đó lớn hơn.

– Ví dụ 2: $\frac{-5}{7} < \frac{3}{7}$ vì $-5 < 3$; $\frac{-7}{21} > \frac{-11}{21}$ vì $-7 > -11$.

– Luyện tập 2:

a) $\frac{-2}{9} > \frac{-7}{9}$; b) $\frac{5}{7} > \frac{-10}{7}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung HĐ3 và yêu cầu HS nhắc lại quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu đã học ở tiểu học, sau đó áp dụng so sánh hai phân số cùng mẫu đã cho.	HS trả lời tại chỗ.
– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.	HS đọc, ghi nhớ.
– GV yêu cầu HS trả lời nhanh Ví dụ 1, GV hướng dẫn HS cách trình bày trên bảng.	HS quan sát, ghi chép.
– GV phát vấn HS Luyện tập 2 tại chỗ, yêu cầu giải thích lí do điền dấu. GV nhận xét, đánh giá.	HS hoạt động cá nhân. HS nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố, luyện tập về quy đồng mẫu các phân số.

b) Nội dung: Bài tập 6.8/SGK tr.12: Quy đồng mẫu các phân số sau:

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{-6}{7}$; b) $\frac{5}{2^2 \cdot 3^2}$ và $\frac{-7}{2^2 \cdot 3}$.

c) Sản phẩm:

– Bài tập 6.8/SGK tr.12:

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{-6}{7}$.

MC: BCNN(3, 7) = 21; TSP: $21 : 3 = 7$; $21 : 7 = 3$.

Quy đồng: $\frac{2}{3} = \frac{2.7}{3.7} = \frac{14}{21}$; $\frac{-6}{7} = \frac{(-6).3}{7.3} = \frac{-18}{21}$.

b) $\frac{5}{2^2.3^2}$ và $\frac{-7}{2^2.3}$.

MC: 36; TSP: $36 : (2^2 \cdot 3^2) = 1$; $36 : (2^2 \cdot 3) = 3$.

Quy đồng: $\frac{5}{2^2.3^2} = \frac{5.1}{2^2.3^2.1} = \frac{5}{2^2.3^2}$; $\frac{-7}{2^2.3} = \frac{(-7).3}{2^2.3.3} = \frac{-21}{2^2.3^2}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thực hiện Bài tập 6.8/SGK tr.12 vào vở. Gọi 2 HS lên bảng trình bày lời giải. + GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS hoạt động cá nhân. 2 HS lên bảng thực hiện. HS nhận xét.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học để giải quyết bài toán thực tế có liên quan.

b) **Nội dung:** Bài tập 6.10/SGK tr.12

c) **Sản phẩm:** Bài tập 6.10/SGK tr.12: Ta có $\frac{4}{5} = \frac{8}{10}$; $\frac{1}{2} = \frac{5}{10}$ và $\frac{8}{10} > \frac{7}{10} > \frac{5}{10}$. Do đó, môn thể thao được yêu thích nhất của các bạn lớp 6A là môn bóng bàn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành Bài tập 6.10/SGK tr.12. + Gọi ý biến đổi các phân số đã cho trong đề bài thành các phân số cùng mẫu để so sánh. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại kiến thức về Quy đồng mẫu nhiều phân số, so sánh hai phân số cùng mẫu.

– Xem lại các bài tập đã chữa.

– Tìm hiểu trước phần *So sánh hai phân số không cùng mẫu, hỗn số*.

Bài 24. SO SÁNH PHÂN SỐ. HỖN SỐ DƯƠNG (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng được quy tắc so sánh hai phân số không cùng mẫu số.
- Nhận biết được hỗn số dương.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: So sánh được hai phân số không cùng mẫu số.
- Năng lực giao tiếp toán học: Có kĩ năng viết phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số và ngược lại.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng các kiến thức vừa học để giải quyết bài toán thực tế có liên quan.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) Mục tiêu: Gợi mở vấn đề sẽ học trong bài.

b) Nội dung:

Mình còn $\frac{3}{4}$ cái bánh	Mình còn $\frac{5}{6}$ cái bánh	Đố em biết phần bánh còn lại của bạn nào nhiều hơn?
		

Trong tình huống trên, ta cần so sánh hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{6}$. Bài học này sẽ giúp chúng ta học cách so sánh hai phân số.

c) **Sản phẩm:** HS đọc phân vai.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu tình huống đặt vấn đề, phân vai cho HS đọc tình huống, GV dẫn dắt vào bài.	HS đọc phân vai.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

1. So sánh hai phân số không cùng mẫu

a) **Mục tiêu:** Mở rộng việc so sánh phân số không cùng mẫu với tử và mẫu dương sang so sánh phân số không cùng mẫu với tử và mẫu là các số nguyên.

b) **Nội dung:**

– Thực hiện HĐ4: Để giải quyết tình huống mở đầu, ta cần so sánh $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{6}$. Em hãy thực

hiện các yêu cầu sau:

+ Viết hai phân số trên dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu dương bằng cách quy đồng mẫu số.

+ So sánh hai phân số cùng mẫu vừa nhận được. Từ đó kết luận về phần bánh còn lại của hai bạn Vương và Tròn.

– HS đọc hộp kiến thức, ghi nhớ.

– Đọc Ví dụ 3, trình bày lời giải.

– Thực hiện Luyện tập 3: So sánh các phân số sau:

a) $\frac{7}{10}$ và $\frac{11}{15}$; b) $\frac{-1}{8}$ và $\frac{-5}{24}$.

c) **Sản phẩm:**

– HĐ4:

MC: BCNN(4, 6) = 12; TSP: $12 : 4 = 3$; $12 : 6 = 2$.

Quy đồng: $\frac{3}{4} = \frac{3.3}{4.3} = \frac{9}{12}$; $\frac{5}{6} = \frac{5.2}{6.2} = \frac{10}{12}$.

Vì $\frac{9}{12} < \frac{10}{12}$ nên $\frac{3}{4} < \frac{5}{6}$. Vậy phần bánh còn lại của bạn Tròn nhiều hơn.

– Quy tắc so sánh hai phân số không cùng mẫu: Ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu dương rồi so sánh các tử với nhau: *phân số nào có tử lớn hơn thì phân số đó lớn hơn.*

– Ví dụ 2:

$$\frac{-7}{12} = \frac{(-7).3}{12.3} = \frac{-21}{36}; \quad \frac{-11}{18} = \frac{(-11).2}{18.2} = \frac{-22}{36}. \quad \text{Vì } \frac{-21}{36} > \frac{-22}{36} \text{ nên } \frac{-7}{12} > \frac{-11}{18}.$$

– Luyện tập 3:

a) $\frac{7}{10} = \frac{7.3}{10.3} = \frac{21}{30}; \quad \frac{11}{15} = \frac{11.2}{15.2} = \frac{22}{30}. \quad \text{Vì } \frac{21}{30} < \frac{22}{30} \text{ nên } \frac{7}{10} < \frac{11}{15}.$

b) $\frac{-1}{8} = \frac{(-1).3}{8.3} = \frac{-3}{24}. \quad \text{Vì } \frac{-3}{24} > \frac{-5}{24} \text{ nên } \frac{-1}{8} > \frac{-5}{24}.$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu nội dung HĐ3 và yêu cầu HS nhắc lại các bước để quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số có mẫu dương, sau đó áp dụng so sánh hai phân số cùng mẫu đã cho.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p> <p>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức.</p> <p>– GV hướng dẫn HS cách trình bày Ví dụ 3 trên bảng.</p> <p>+ <i>Lưu ý: Chọn mẫu chung của các phân số là một số dương.</i></p> <p>– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 3.</p> <p>Gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày bài.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p>	<p>HS trả lời tại chỗ.</p> <p>1 HS lên bảng thực hiện và rút ra câu trả lời.</p> <p>HS nhận xét.</p> <p>HS đọc, ghi nhớ.</p> <p>HS quan sát, ghi chép.</p> <p>HS hoạt động nhóm.</p> <p>HS nhận xét, đánh giá chéo nhau.</p>

2. Hỗn số dương

a) Mục tiêu: Viết phân số lớn hơn 1 dưới dạng tổng của một số nguyên và một phân số nhỏ hơn 1. Hình thành khái niệm hỗn số dương.

b) Nội dung:

Chia đều ba cái bánh cho hai bạn thì mỗi bạn được bao nhiêu phần bánh nhỉ?



– Thực hiện các HĐ5 và HĐ6.

+ HD5. Viết phân số biểu thị phần bánh của mỗi bạn.

+ HD6. Tròn nói mỗi bạn được 1 cái bánh và $\frac{1}{2}$ cái bánh. Em có đồng ý với Tròn không?

– Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.

– Thực hiện yêu cầu [?]: $2\frac{5}{4}$ có là một hỗn số không? Vì sao?

c) Sản phẩm:

+ HD5: Phân số biểu thị phần bánh của mỗi bạn là: $\frac{3}{2}$.

+ HD6. Đồng ý.

[?]: $2\frac{5}{4}$ không phải là một hỗn số. Vì nếu là một hỗn số thì 5 ở phần phân số $\frac{5}{4}$ là phần dư của phép chia cho 4 khi không thể tiếp tục chia nữa (tử nhỏ hơn mẫu). Tuy nhiên $5 > 4$ tức là vẫn chia được tiếp.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung ĐVD và phát vấn HS tại chỗ trả lời HD5, HD6 Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS trả lời tại chỗ. HS nhận xét.
– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu và thuyết trình giảng chi tiết cho HS.	HS chú ý lắng nghe.
– GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời tại chỗ. Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS hoạt động cá nhân. HS nhận xét.
+ <i>Nhấn mạnh: Phần phân số của hỗn số luôn nhỏ hơn 1.</i>	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố khái niệm hỗn số dương. Việc so sánh hai phân số khác mẫu.

b) Nội dung:

– Luyện tập 4:

a) Viết phân số $\frac{24}{7}$ dưới dạng hỗn số;

b) Viết hỗn số $5\frac{2}{3}$ dưới dạng phân số.

– Bài tập 6.9/SGK tr.12: So sánh các phân số sau:

a) $\frac{-11}{8}$ và $\frac{1}{24}$; b) $\frac{3}{20}$ và $\frac{6}{15}$.

c) **Sản phẩm:**

– Luyện tập 4:

a) $\frac{24}{7} = 3 + \frac{3}{7} = 3\frac{3}{7}$;

b) $5\frac{2}{3} = \frac{5.3+2}{3} = \frac{17}{3}$.

– Bài tập 6.9/SGK tr.12:

a) $\frac{-11}{8} = \frac{(-11).3}{8.3} = \frac{-33}{24}$. Vì $\frac{-33}{24} < \frac{1}{24}$ nên $\frac{-11}{8} < \frac{1}{24}$.

b) $\frac{3}{20} = \frac{3.3}{20.3} = \frac{9}{60}$; $\frac{6.4}{15.4} = \frac{24}{60}$. Vì $\frac{9}{60} < \frac{24}{60}$ nên $\frac{3}{20} < \frac{6}{15}$.

d) **Tổ chức thực hiện:**

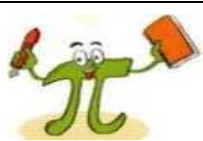
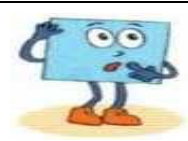

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thực hiện Luyện tập 4 và Bài tập 6.9/SGK tr.12 vào vở. Gọi 4 HS lần lượt lên bảng trình bày lời giải. + GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời. – Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS hoạt động cá nhân. 4 HS lên bảng thực hiện. HS nhận xét.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Phát huy tính sáng tạo của HS.

b) **Nội dung:**

Thử thách nhỏ.

Muốn so sánh $\frac{-15}{81}$ và $\frac{7}{90}$ ta làm thế nào nhỉ	Ta phải tìm BCNN (81, 90)!	Vì $\frac{-15}{81} < 0$ và $0 < \frac{7}{90}$ nên $\frac{-15}{81} < \frac{7}{90}$.
		

Không quy đồng mẫu số, em hãy so sánh $\frac{31}{32}$ và $\frac{-5}{57}$.

c) Sản phẩm:

Thử thách nhỏ: Vì $\frac{-5}{57} < 0 < \frac{31}{32}$ nên $\frac{31}{32} > \frac{-5}{57}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu nội dung thử thách nhỏ và cho HS đọc đoạn hội thoại và yêu cầu HS thảo luận so sánh $\frac{31}{32}$ và $\frac{-5}{57}$.</p> <p>Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.</p> <p>+ <i>Nhấn mạnh: So sánh hai phân số, đôi khi ta không cần đưa về cùng mẫu số mà so sánh qua số trung gian, ở đây số trung gian được chọn là 0.</i></p>	<p>HS hoạt động nhóm bàn.</p> <p>HS báo cáo chia sẻ.</p> <p>HS nhận xét.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức về so sánh hai phân số không cùng mẫu. Hỗn số dương.
- Làm các Bài tập 6.11; 6.12; 6.13/SGK tr.12.
- Tìm hiểu trước nội dung *Luyện tập chung*.